CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
Digitally signed by CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Ô Chợ Dừa, CN=CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102806367
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.03.05 20:58:28+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.2.3

CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09/TTr-HĐQT-TCĐL	*Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2026*

TỜ TRÌNH

***Về việc**: Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026; Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành năm 2026; Phương án Phân phối Lợi nhuận năm 2025; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế Quản trị nội bộ*

***Kính gửi:* Đại hội đồng Cổ đông Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực,**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;*
- *Căn cứ Luật các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức Tín dụng số 96/2025/QH15 ngày 27/6/2025;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực;*

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (ĐHĐCĐ) các nội dung sau:

I. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Hội đồng Quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (EVF, Công ty). Báo cáo đã được công bố trên website của Công ty theo đường link http://www.evnfc.vn/bao-cao-tai-chinh, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật và trích đính kèm tài liệu cung cấp tại Đại hội theo Phụ lục 01.

II. Thực hiện Thù lao, thưởng, chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (BKS), Ban Điều hành (BĐH) năm 2025; Trình thù lao, thưởng, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, BĐH năm 2026

2.1. Thực hiện Thù lao, thưởng, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, BĐH năm 2025

- Tổng thù lao thực hiện năm 2025 của HĐQT, BKS là 9.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: chín tỷ đồng),* tuân thủ quy định về thù lao HĐQT, BKS được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 phê duyệt. Chi tiết việc thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)
I	**Hội đồng Quản trị**		**6.103.153.043**
1	Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	2.277.138.287
2	Ông Mai Danh Hiền (*)	Phó Chủ tịch HĐQT	746.629.441
3	Ông Lê Mạnh Linh (*)	Thành viên HĐQT	1.008.597.814
4	Ông Nguyễn Trung Thành (*)	Thành viên HĐQT	127.272.727
5	Ông Lê Hoài Nam	Thành viên độc lập HĐQT	721.186.153
6	Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	1.222.328.622
II	**Ban Kiểm soát**		**2.896.846.957**
1	Ông Lê Long Giang	Trưởng BKS	1.410.616.143
2	Bà Lê Khánh Ngọc	Thành viên BKS	974.408.397
3	Ông Nghiêm Khắc Đạt	Thành viên BKS	511.822.417
	Tổng cộng		**9.000.000.000**

(*) Ông Mai Danh Hiền đảm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc EVF đến ngày 20/8/2025. Ông Lê Mạnh Linh đảm nhiệm vị trí Quyền Tổng Giám đốc kể từ ngày 21/8/2025 và được bổ nhiệm Tổng Giám đốc EVF ngày 28/01/2026

Ông Nguyễn Trung Thành đã được ĐHĐCĐ thường niêm năm 2025 thông qua miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT từ ngày 05/4/2025.

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025, mức tiền thưởng HĐQT, BKS, BĐH trong trường hợp lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2025 của Công ty vượt kế hoạch lợi nhuận trước thuế được ĐHĐCĐ giao thì mức thưởng dành cho HĐQT, BKS, BĐH tối đa là 01% lợi nhuận sau thuế, đảm bảo mức thưởng không vượt quá phần lợi nhuận sau thuế tăng thêm so với kế hoạch. Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt kế hoạch năm 2025 với kết quả lợi nhuận trước thuế đạt 1.104 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch ĐHĐCĐ giao. HĐQT thống nhất đề xuất trích thưởng cho HĐQT, BKS, BĐH theo mức 0,5% lợi nhuận sau thuế (tương đương khoảng 0,56% LNST còn lại sau khi trích Quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều lệ), cụ thể số tiền là 4.471.689.773 đồng.

- Các chi phí hoạt động của HĐQT, BKS được thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty.

2.2. Trình Kế hoạch Thù lao, thưởng, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, BĐH năm 2026

Trên cơ sở chiến lược kinh doanh, quy mô hoạt động của Công ty, HĐQT xây dựng cơ chế thù lao, thưởng, chi phí hoạt động gắn với nhiệm vụ được giao và bảo đảm cho công tác quản trị, kiểm soát hoạt động của Côngty được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao nhất, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua:

- Tổng mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2026 là 10.000.000.000 VND *(Bằng chữ: Mười tỷ đồng)*.

- Trường hợp lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2026 của Công ty vượt kế hoạch lợi nhuận trước thuế được ĐHĐCĐ giao thì mức thưởng dành cho HĐQT, BKS, BĐH tối đa là 0,5% lợi nhuận sau thuế, đảm bảo mức thưởng không vượt quá phần lợi nhuận sau thuế tăng thêm so với kế hoạch.

- Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS được thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty.

III. Phương án Phân phối Lợi nhuận năm 2025

Hội đồng Quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án Phân phối Lợi nhuận năm 2025, nội dung cụ thể như sau:

3.1. Trích lập các quỹ

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Phương án phân phối 2025	Ghi chú
1	**Lợi nhuận sau thuế năm 2025 (LNST)**	**894.337.954.667**	
2	**Trích các Quỹ**	**187.810.970.479**	
2.1	Trích Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ (VDL)	89.433.795.467	Trích 10% LNST
2.2	Trích Quỹ dự phòng tài chính	80.490.415.920	Trích 10% của LNST còn lại sau khi trích Quỹ dự trữ bổ sung VĐL (Tương đương 9% LNST)
2.3	Trích Quỹ Khen thưởng HĐQT, BKS, BĐH	4.471.689.773	Trích 0,5% LNST (Tương đương khoảng 0,56% LNST còn lại sau khi trích Quỹ dự trữ bổ sung VĐL)
2.4	Trích Quỹ trách nhiệm xã hội	4.471.689.773	Trích 0,5% LNST (Tương đương khoảng 0,56% LNST còn lại sau khi trích Quỹ dự trữ bổ sung VĐL)
2.5	Trích Quỹ khen thưởng	4.471.689.773	Trích 0,5% LNST (Tương đương khoảng 0,56% LNST còn lại sau khi trích Quỹ dự trữ bổ sung VĐL)

2.6	Trích Quỹ phúc lợi	4.471.689.773	Trích 0,5% LNST (Tương đương khoảng 0,56% LNST còn lại sau khi trích Quỹ dự trữ bổ sung VĐL)
3	**Lợi nhuận năm 2025 còn lại chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ (1-2)**	**706.526.984.188**	
4	Lợi nhuận các năm trước để lại	414.679.868.367	
5	**Lợi nhuận năm 2025 sau khi trích lập các quỹ và lợi nhuận để lại từ các năm trước (3+4)**	**1.121.206.852.555**	

3.2. Lợi nhuận năm 2025 sau khi trích lập các quỹ và Lợi nhuận để lại từ các năm trước 1.121.206.852.555 đồng sẽ giữ lại để phục vụ hoạt động kinh doanh.

IV. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực

Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVF ("Điều lệ") đã được sửa đổi lần thứ 16, theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 05/4/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và Quyết định số 24/QĐ-HĐQT-TCĐL ngày 01/10/2025 của HĐQT. Để đảm bảo Điều lệ phù hợp hơn với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục sửa đổi theo nội dung đã được phê duyệt. Theo đó, sửa đổi, bổ sung 04 điều, giữ nguyên 78 điều.

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tại Phụ lục 02 kèm theo Tờ trình này.

V. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị

Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực ("Quy chế TCHĐ HĐQT") đã được sửa đổi lần thứ 6, theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 05/4/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và Quyết định số 05/QĐ-HĐQT-TCĐL ngày 15/4/2025 của HĐQT. Để đảm bảo Quy chế TCHĐ HĐQT phù hợp hơn với các quy định của pháp luật, Điều lệ và tình hình thực tế hoạt động của Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và

giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục sửa đổi theo nội dung đã được phê duyệt. Theo đó, sửa đổi, bổ sung 03 điều, giữ nguyên 34 điều.

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHD HDQT tại Phụ lục 03 kèm theo Tờ trình này.

VI. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản trị nội bộ

Quy chế Quản trị nội bộ Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực ("Quy chế QTNB") đã được sửa đổi lần thứ 4, theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 05/4/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và Quyết định số 06/QĐ-HĐQT-TCĐL ngày 15/4/2025 của HĐQT. Để đảm bảo Quy chế QTNB phù hợp hơn với các quy định của pháp luật, Điều lệ và tình hình thực tế hoạt động của Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục sửa đổi theo nội dung đã được phê duyệt. Theo đó, sửa đổi, bổ sung 05 điều, giữ nguyên 29 điều.

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế QTNB tại Phụ lục 04 kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:
- HĐQT, Ban TGĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: K.QTĐH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0102806367 - C.T.C.P - CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHẠM TRUNG KIÊN

PHỤ LỤC 01

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
A -	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	**V.1**	**7.134**	**4.360**
II	**Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước Việt Nam ('NHNN')**	**V.2**	**416.460**	**497.213**
III	**Tiền gửi và cho vay các TCTD khác**	**V.3**	**6.408.017**	**4.891.725**
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác	V.3.1	6.408.017	4.891.725
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	**V.4**	**6.039.085**	**714.205**
1.	Chứng khoán kinh doanh		6.048.391	714.205
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(9.306)	-
V	**Cho vay khách hàng**		**60.885.389**	**46.306.649**
1.	Cho vay khách hàng	V.5	61.745.129	46.802.982
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.6	(859.740)	(496.333)
VI	**Hoạt động mua nợ**	**V.7**	**1.973.090**	**-**
1.	Mua nợ		1.988.000	-
2.	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ (*)		(14.910)	-
VII	**Chứng khoán đầu tư**	**V.8**	**1.757.528**	**1.902.188**
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		1.795.912	2.082.175
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(38.384)	(179.987)
VIII	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**V.9**	**1.784.216**	**1.826.477**
1.	Đầu tư dài hạn khác		1.844.487	1.881.987
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(60.271)	(55.510)
IX	**Tài sản cố định**		**238.982**	**65.309**
1.	Tài sản cố định hữu hình	V.10	27.915	23.642
a.	*Nguyên giá*		*107.891*	*107.534*
b.	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(79.976)*	*(83.892)*
2.	Tài sản cố định vô hình	V.11	211.067	41.667
a.	*Nguyên giá*		*277.209*	*99.074*
b.	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(66.142)*	*(57.407)*
X	**Tài sản có khác**	**V.12**	**3.548.257**	**3.390.435**
1.	Các khoản phải thu	V.12.1	1.372.805	1.958.713
2.	Các khoản lãi, phí phải thu	V.12.2	2.106.002	1.422.608
3.	Tài sản Có khác	V.12.3	115.810	70.538
4.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	V.12.4	(46.360)	(61.424)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		**83.058.158**	**59.598.561**

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
I	**Tiền gửi và vay các TCTD khác**	**V.13**	**17.009.221**	**11.734.293**
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		6.528.858	3.870.200
2.	Vay các TCTD khác		10.480.363	7.864.093
II.	**Tiền gửi của khách hàng**	**V.14**	**14.552.400**	**10.210.723**
III.	**Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**	**V.15**	**255.396**	**164.717**
IV.	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro**	**V.16**	**8.636.750**	**8.587.674**
V.	**Phát hành giấy tờ có giá**	**V.17**	**30.842.000**	**18.556.000**
VI.	**Các khoản nợ khác**		**1.886.102**	**1.337.966**
1.	Các khoản lãi, phí phải trả	V.18	1.507.621	1.036.166
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác	V.19	378.481	301.800
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**73.181.869**	**50.591.373**
VII.	**Vốn và các quỹ**	**V.21**	**9.876.289**	**9.007.188**
1.	Vốn của Công ty		7.958.548	7.958.548
	Vốn điều lệ		*7.605.658*	*7.605.658*
	Vốn đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định		*2.328*	*2.328*
	Thặng dư vốn cổ phần		*350.562*	*350.562*
2	Quỹ của Công ty	V.21.2	608.723	480.140
3.	Lợi nhuận chưa phân phối		1.309.018	568.500
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**9.876.289**	**9.007.188**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**83.058.158**	**59.598.561**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
1.	Cam kết giao dịch hối đoái	18.932.173	21.125.874
	Cam kết mua ngoại tệ	*526.160*	*662.017*
	Cam kết bán ngoại tệ	*514.200*	*641.290*
	Cam kết giao dịch hoán đổi	*17.891.813*	*19.822.567*
2.	Bảo lãnh khác	38.359	34.330
3.	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	277.001	288.070
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	3.241.811	2.837.771
5.	Tài sản và chứng từ khác	6.006.185	4.058.200

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	5.501.970	4.276.780
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.2	(3.610.229)	(2.832.445)
I	**Thu nhập lãi thuần**		**1.891.741**	**1.444.335**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		65.217	74.791
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(17.564)	(34.532)
II	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**	**VI.3**	**47.653**	**40.259**
III	**Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**VI.4**	**(49.224)**	**(43.142)**
IV	**Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**VI.5**	**19.400**	**15.217**
V	**Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**VI.6**	**170.772**	**(49.746)**
5	Thu nhập từ hoạt động khác		88.302	80.311
6	Chi phí hoạt động khác		(2.236)	(560)
VI	**Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác**	**VI.8**	**86.066**	**79.751**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**VI.7**	**47.166**	**15.411**
	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		**2.213.574**	**1.502.085**
VIII	**TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**	**VI.9**	**(280.526)**	**(153.005)**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**1.933.048**	**1.349.080**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**VI.10**	**(828.823)**	**(645.306)**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**1.104.225**	**703.774**
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	V.20	(209.888)	(142.952)
XII	**Chi phí thuế TNDN**		**(209.888)**	**(142.952)**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**894.337**	**560.822**
XIV	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)**		**1.123**	**704**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	4.816.463	4.534.953
02	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả	(3.138.774)	(3.006.740)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	49.766	42.828
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, chứng khoán)	8.651	(2.328)
05	Thu nhập/(Lỗ) khác	(1.978)	3.320
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro	87.984	76.341
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(256.334)	(209.685)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(162.643)	(81.211)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	***1.403.135***	***1.357.478***
	Những thay đổi về tài sản hoạt động	**(21.886.345)**	**(16.277.701)**
09	(Tăng)/ Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(5.047.923)	(1.131.639)
10	(Tăng)/ Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	116.840
11	(Tăng)/ Giảm các khoản cho vay khách hàng	(16.930.147)	(13.249.594)
12	Tăng/(Giảm) nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(462.435)	(609.584)
13	(Tăng)/ Giảm khác về tài sản hoạt động	554.160	(1.403.724)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động	**22.029.641**	**9.917.634**
14	Tăng/ (Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	5.274.928	822.533
15	Tăng/ (Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	4.341.677	7.209.186
16	Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	12.286.000	1.135.000
17	Tăng/ (Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	49.076	571.274
18	Tăng/ (Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	90.679	164.717
19	Tăng/ (Giảm) khác về công nợ hoạt động	(5.619)	21.521
20	Chi từ các quỹ của TCTD	(7.100)	(6.597)
I	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***	***1.546.431***	***(5.002.589)***

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm tài sản cố định	(192.016)	(4.942)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	60	90
03	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(82.500)	(1.207.454)
04	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	120.000	331.851
05	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	47.166	15.204
II	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***	***(107.290)***	***(865.251)***
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(828)	(1.740)
III	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***	***(828)***	***(1.740)***
IV	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**	**1.438.313**	**(5.869.680)**
V	**Tiền và tương đương tiền đầu năm** (Thuyết minh VII.1)	**5.393.298**	**11.262.878**
VI	**Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá**	-	-
VII	**Tiền và tương đương tiền cuối năm** (Thuyết minh VII.1)	**6.831.611**	**5.393.298**

21.Vốn và các quỹ của Công ty

Đơn vị: Triệu VND

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Vốn điều lệ	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Vốn đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ*	*Tổng cộng*
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	**7.042.483**	**350.562**	**29.991**	**241.248**	**159.644**	**629.962**	**2.328**	**8.456.218**
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm	563.175	-	-	-	-	(563.175)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	560.822	-	560.822
Trích lập các quỹ trong năm từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	32.838	16.419	(59.109)	-	(9.852)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**7.605.658**	**350.562**	**29.991**	**274.086**	**176.063**	**568.5**	**2.328**	**9.007.188**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	894.337	-	894.337
Trích lập các quỹ trong năm từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	56.082	72.501	(153.819)	-	(25.236)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**7.605.658**	**350.562**	**29.991**	**330.168**	**248.564**	**1.309.018**	**2.328**	**9.876.289**

21.2 Quỹ của Công ty

	Tại 31/12/2025	**Tại 31/12/2024**
Quỹ đầu tư phát triển	29.991	29.991
Quỹ dự phòng tài chính	330.168	274.086
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	248.564	176.063
Cộng	**608.723**	**480.140**

Ghi chú về Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích bổ sung cho năm tài chính 2023 và 2024 được thực hiện theo điều 148 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 có hiệu lực vào ngày 01/07/2024.

PHỤ LỤC 02

BẢNG GIẢI TRÌNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Nội dung của Điều lệ mới bao gồm 22 Chương, 82 Điều khoản, trong đó (i) thêm 0 Điều, (ii) sửa đổi, bổ sung 04 điểm tại 04 Điều, (iii) giữ nguyên 78 Điều, cụ thể như sau:

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH EVF	ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
1	**Điều 1. Định nghĩa**		
	"Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của EVF sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính	"Cổ tức" là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác.	Sửa đổi định nghĩa "cổ tức" theo khoản 1 Điều 1 Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025 sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020
2	**Điều 15. Giới hạn sở hữu cổ phần**		
	6) Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại EVF không vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn Điều lệ của EVF, tuân thủ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng; Luật Đầu tư; quy định về công ty đại chúng, niêm yết; và các quy định pháp luật khác có	Không quy định	Khoản 5 Điều 2 Nghị định 245/2025/ND-CP đã bãi bỏ điểm e Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH EVF	ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	liên quan.		
3	**Điều 22. Cổ đông, Quyền hạn của cổ đông**		
	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định của Điều lệ của EVF có quyền: b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định của Điều lệ của EVF có quyền: b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung thêm quyền hạn của cổ đông theo khoản 18 Điều 1 Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025 sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
4	**Điều 46. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**		
	1) Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị: z. Quyết định thành lập và quy định chức	Bỏ điểm z, khoản 1 Điều 46. Cập nhật lại thứ tự các điểm tại khoản 1 Điều 46.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với yêu cầu quản trị, hoạt động thực

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH EVF	ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các hội đồng bao gồm Hội đồng Tín dụng, Hội đồng Đầu tư và các hội đồng khác theo quy định pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.		tế của EVF.

PHỤ LỤC 03

BẢNG GIẢI TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Nội dung của Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm 8 Chương, 37 Điều khoản.

Trong đó: (i) lược bỏ 0 điều khoản, (ii) sửa đổi, bổ sung 03 điều khoản, (iii) giữ nguyên 34 điều khoản, cụ thể như sau:

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH EVF	QUY CHẾ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
1	**Điều 1. Căn cứ pháp lý**		
	1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; 2. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn sửa đổi, bổ sung; 3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; 4. Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 về hoạt động của Công ty Tài chính và Công ty Cho thuê tài chính; 5. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán;	1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn sửa đổi, bổ sung; 2. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn sửa đổi, bổ sung; 3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn sửa đổi, bổ sung; 4. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán và các văn sửa đổi, bổ sung; 5. Thông tư 116/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính	Cập nhật lại căn cứ pháp lý theo quy định hiện hành

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH EVF	QUY CHẾ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	6. Thông tư 116/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; 7. Thông tư số 05/2023/TT-NHNN ngày 22/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. 8. Thông tư 17/2018/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 14/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về việc cấp giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 9. Thông tư 22/2018/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 05/9/2018 hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 13/2020/TT-NHNN ngày	phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; 6. Thông tư 20/2025/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 31/7/2025 hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, và các văn sửa đổi, bổ sung; 7. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực; 8. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015; 9. Các văn bản pháp luật hướng dẫn và văn bản quy định nội bộ khác có liên quan.	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH EVF	QUY CHẾ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2018/TT-NHNN; 10. Thông tư 13/2019/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 11. Thông tư 10/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018 hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 12. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; 13. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015; 14. Các văn bản pháp luật hướng dẫn và văn bản quy định nội bộ khác có liên quan		
2	**Điều 16: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị**		

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH EVF	QUY CHẾ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: 26. Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các hội đồng bao gồm Hội đồng Tín dụng, Hội đồng Đầu tư và các hội đồng khác theo quy định pháp luật thuộc thẩm quyền của HIội đồng quản trị;		Lược bỏ nội dung liên quan đến Hội đồng Tín dụng, Hội đồng Đầu tư.
3	**Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị**		
	9. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	9. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 80 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
4	**Điều chỉnh lại Logo và tên Công ty tại nội dung Quy chế**		

PHỤ LỤC 4

BẢNG GIẢI TRÌNH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NĂM 2026

CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Nội dung của Quy chế Quản trị nội bộ mới bao gồm 11 Chương, 35 Điều khoản và ban hành kèm theo 1 Phụ lục.

Trong đó: (i) lược bỏ 0 điều khoản; (ii) sửa đổi, bổ sung 05 điều khoản, (iii) giữ nguyên 29 điều khoản, cụ thể như sau:

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH EVF	QUY CHẾ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
1	**Điều 1. Căn cứ pháp lý và các tài liệu liên quan**		
	1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; 2. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024; 3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa	1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung; 2. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung; 3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Cập nhật lại căn cứ pháp lý theo quy định hiện hành

	Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; 4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; 5. Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; 6. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. 7. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực; 8. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015; 9. Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy định nội bộ khác có liên quan;	thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung; 4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung; 5. Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; 6. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. 7. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực; 8. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015; 9. Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy định nội bộ khác có liên quan.	
2	**Điều 6. Quyền của cổ đông**		

	4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung quyền của cổ đông theo quy định khoản 18 Điều 1 Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025
3	**Điều 7. Nghĩa vụ của Cổ đông**		

	Chưa có	i) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của EVF, của các cổ đông khác theo quy định pháp luật và Điều lệ; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ.	Bổ sung thêm do Điều lệ có nghĩa vụ này theo Điểm (i) khoản 1 Điều 23 Điều lệ
4	**Điều 17. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT**		
	7. Hàng năm, HĐQT yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	7. Hàng năm, HĐQT yêu cầu từng thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 80 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.
5	**Điều 26. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và Giám đốc Chi nhánh**		
	Không quy định	5. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	Bổ sung thêm theo quy định Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.
6	**Điều chỉnh lại Logo và tên Công ty tại nội dung Quy chế**		